TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
BÁO CÁO QUERIES REPORT #6.15
HỆ THỐNG SAP B1 THUỘC HÒA BÌNH GROUP

Mã Nhóm Tài Liệu: Nhóm 5 - Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Báo Cáo Queries Report
Mã Hiệu Tài Liệu: 5061501001
Ngày Lập Tài Liệu: 13.01.2023
Hiệu lực Áp Dụng: Còn hiệu lực - Đang áp dụng
Áp Dụng Đối Với: Phần mềm Quản Lý Nguồn Lực Doanh Nghiệp SAP Business One 10.0, PL02
Tên Tài Liệu: Hướng Dẫn Sử Dụng Báo Cáo Queries Report #6.15 tại SAP B1 [HBG]

1. Đối Tượng của Tài Liệu

1.1. Đối tượng của Tài Liệu này là Báo Cáo Queries Report có Mã Số "6.15", Tên gọi "Bảng kê lệnh nhập hàng mua của Sản phẩm được quản lý theo Serial No." trong hệ thống SAP B1 của các Trạm thuộc [HBG] (sau đây gọi tắt là "Báo cáo Queries Report #6.15")

1.2. Báo cáo Queries Report #6.15 được truy cập theo đường dẫn thao tác, như sau: [Tools] → [User Queries] → [06. Logistics Report] → [6.15. Bảng kê lệnh nhập hàng mua của Sản phẩm được quản lý theo Serial No.]

2. Hướng dẫn khai báo Biến Đầu Vào của Báo Cáo

Báo cáo Queries Report #6.15 là loại Báo cáo trích xuất dữ liệu liên tục và hoàn toàn nhưng không tự động phát sinh khi người dùng kích hoạt. Dữ liệu của Báo cáo được thể hiện phụ thuộc vào việc khai báo Biến Đầu Vào theo định nghĩa sau:

- [Item No.]: Mã Sản Phẩm của đối tượng mà Người sử dụng có nhu cầu cần xem báo cáo. Mã Sản Phẩm phải là thông tin có thật được ghi nhận tại cơ sở dữ liệu chung về Sản Phẩm của hệ thống SAP B1.

- [Posting Date] dòng 1: Thời Điểm bắt đầu xem báo cáo, là ngày/tháng/năm mà Người sử dụng có nhu cầu muốn bắt đầu tra cứu báo cáo tại hệ thống SAP B1. Định dạng khai báo: dd/mm/yyyy

- [Posting Date] dòng 2: Thời Điểm kết thúc xem báo cáo, là ngày/tháng/năm mà Người sử dụng có nhu cầu muốn kết thúc tra cứu báo cáo tại hệ thống SAP B1. Định dạng khai báo: dd/mm/yyyy

Giả định: Trạm SAP B1 [X] có nhu cầu xem Bảng kê lệnh nhập hàng mua của Sản phẩm được quản lý theo Serial No. đối với Mã Sản Phẩm là "I10027001" trong khoảng kỳ từ 01.01.2022 đến 31.12.2022

Như vậy, các Biến Dữ Liệu khai báo lần lượt, sẽ là:

- [Item No.] sẽ nhận giá trị là I10027001;
- [Posting Date] dòng 1 sẽ nhận giá trị là 01/01/2022;
- [Posting Date] dòng 2 sẽ nhận giá trị là 31/12/2022;

3. Hướng dẫn đọc hiểu Dữ Liệu của Báo Cáo

Báo cáo Queries Report #6.15 thể hiện thông tin dưới dạng Bảng dữ liệu dạng thô theo cột và dòng. Tiêu đề của mỗi Cột là đại diện cho thông tin của các Dòng được thể hiện trong đó, cụ thể như sau:

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

3.1. Dòng thông tin thuộc Cột [Modules], là Định Nghĩa Ghi Sẵn nhằm xác định rằng các nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] trên cùng dòng dữ liệu đều là những nghiệp vụ thuộc Modules [Purchasing - A/P] trong hệ thống SAP B1. Mặc định trường thông tin này sẽ thể hiện là "Purchasing"

3.2. Dòng thông tin thuộc Cột [Doc], là Ký Hiệu Viết Tắt của nghiệp vụ trong hệ thống SAP B1. Trường thông tin này sẽ nhận 01 trong 04 giá trị, như sau:

- "PU": Ký hiệu đại diện cho nghiệp vụ [A/P Invoice] hoặc [A/P Reserve Invoice];
- "PD": Ký hiệu đại diện cho nghiệp vụ [Goods Receipt PO];
- "PR": Ký hiệu đại diện cho nghiệp vụ [Goods Return];
- "PC": Ký hiệu đại diện cho nghiệp vụ [A/P Credit Memo]

3.3. Dòng thông tin thuộc Cột [DocId], là Số Hiệu Tra Cứu của nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng trong hệ thống SAP B1.

3.4. Dòng thông tin thuộc Cột [DocPostDate], là Ngày Khai Báo của nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng trong hệ thống SAP B1. Định dạng dữ liệu được thể hiện theo hình thức "dd/mm/yyyy".

3.5. Dòng thông tin thuộc Cột [Direction], là Thông Tin Xác Định kết quả của nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] làm cho hàng hóa được xuất ra khỏi hoặc nhập hàng về kho của Công ty trong hệ thống SAP B1. Trường thông tin này sẽ nhận 01 trong 02 giá trị, như sau:

- "In": Nghiệp vụ làm cho hàng hóa được nhập về kho;
- "Out": Nghiệp vụ làm cho hàng hóa được xuất khỏi kho.

3.6. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemNo], là Mã Sản Phẩm thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm ("Item Master Data") theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1, phản ánh đối tượng Sản Phẩm bị điều chỉnh bởi nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng.

3.7. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemDescription], là Mô Tả Sản Phẩm thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm ("Item Master Data") theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1, phản ánh đối tượng Sản Phẩm bị điều chỉnh bởi nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng.

3.8. Dòng thông tin thuộc Cột [SysSerialNo], là Số Thứ Tự được hệ thống SAP B1 cấp tự động và duy nhất dựa trên phân loại theo Mã Sản Phẩm đối với các đối tượng là Sản Phẩm được quản lý dưới chế độ Serial No. trong hệ thống SAP B1. Thông tin này là dữ liệu phát sinh từ nội tại hệ thống SAP B1 nhằm đảm bảo không cho phép sự trùng lắp của một sản phẩm có số Serial No. giống nhau tại cùng một Mã Sản Phẩm cụ thể; và tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo].

3.9. Dòng thông tin thuộc Cột [SerialNo], là Số Serial No. của Sản Phẩm được quản lý theo hệ thống SAP B1 của Trạm đang trích xuất báo cáo. Thông tin này được người dùng khai báo khi nhập hàng vào kho của Công ty; và tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo].

3.10. Dòng thông tin thuộc Cột [MfrSerialNo], là Số Serial No. của Sản Phẩm được quản lý theo hệ thống nội bộ của Nhà cung cấp hoặc Nhà sản xuất Sản Phẩm. Thông tin này được người dùng khai báo khi nhập hàng vào kho của Công ty; và tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo].

3.11. Dòng thông tin thuộc Cột [LotNo], là Số Hiệu Lô Hàng của Sản Phẩm được quản lý theo hệ thống nội bộ của Nhà cung cấp hoặc Nhà sản xuất Sản Phẩm; hoặc được quản lý theo hệ thống SAP B1 của Trạm

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

đang trích xuất báo cáo. Thông tin này được người dùng khai báo khi nhập hàng vào kho của Công ty; và tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo].

3.12. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemGroup], là Nhóm của Sản Phẩm được phân loại tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm ("Item Master Data") theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Item Group] thuộc Bảng chính trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]; Thông tin này tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo].

3.13. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemBrand], là Thương Hiệu của Sản Phẩm được phân loại tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm ("Item Master Data") theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Manufacturer] thuộc Bảng phụ [General] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]; Thông tin này tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo].

3.14. Dòng thông tin thuộc Cột [Warehouse], là Mã Kho Hàng nơi nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] tác động đến Mã Sản Phẩm được thể hiện tại Cột [ItemNo] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng.

3.15. Dòng thông tin thuộc Cột [BPCode], là Mã Đối Tác thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Đối Tác ("Business Partner Master Data") theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1, phản ánh đối tượng Khách Hàng/Nhà Cung Cấp bị điều chỉnh bởi nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng.

3.16. Dòng thông tin thuộc Cột [BPName], là Tên Đối Tác thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Đối Tác ("Business Partner Master Data") theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1, phản ánh đối tượng Khách Hàng/Nhà Cung Cấp bị điều chỉnh bởi nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId] trên cùng dòng dữ liệu tương ứng.

3.17. Dòng thông tin thuộc Cột [Currency], là Thông Tin về Tiền Tệ Giao Dịch tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId]

3.18. Dòng thông tin thuộc Cột [RefUnitPrice], là Đơn Giá Giao Dịch Tham Khảo tương ứng trên cùng dòng dữ liệu của nghiệp vụ được thể hiện tại Cột [Doc] với số hiệu tra cứu tại Cột [DocId]

Mọi thắc mắc hoặc xử lý sự cố kỹ thuật có liên quan, xin vui lòng liên hệ theo thông tin bên dưới:

- Thông tin liên hệ 1:
Họ Tên: Lê Minh Đăng,
Email: dang.le@hbc.com.vn,
Điện Thoại: +84.909.5358.22;
- Thông tin liên hệ 2:
Họ Tên: Nguyễn Hoàng Phong,
Email: phong.nguyen@hbc.com.vn,
Điện Thoại: +84.907.67.302

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---